

DANH SÁCH ĐIỂM QUÁ TRÌNH MÔN PLĐC(CCQ2110C-D)

<i>STT</i>	<i>MSSV</i>	<i>Họ lót</i>	<i>Tên</i>	<i>Mã lớp</i>	<i>Điểm QT</i>	<i>Điểm Thi</i>	<i>Điểm HP</i>
1	2121100074	Lê Thị Mai	Anh	CCQ2110C	8	7.4	7.6
2	2121100084	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	CCQ2110C	8	7.6	7.8
3	2121100109	Nguyễn Huỳnh Trâm	Ân	CCQ2110D	7.5	8.2	7.9
4	2121100104	Phùng Nguyên Gia	Bảo	CCQ2110C	7.5	8	7.8
5	2121100079	Đổng Thị Tuyết	Băng	CCQ2110C	8	7.8	7.9
6	2121100075	Ngô Thị Thảo	Chi	CCQ2110C	7.5	7.6	7.6
7	2121100097	Trần Thị Phương	Dung	CCQ2110C	7.5	6.2	6.7
8	2121100117	Dương Thị Mỹ	Duyên	CCQ2110D	7.5	7	7.2
9	2121100098	Trần Ngọc	Dur	CCQ2110C	8	7.4	7.6
10	2121100108	Lê Thị Xuân	Đào	CCQ2110D	7.5	7.8	7.7
11	2121100102	Nguyễn Thị Tuyết	Giang	CCQ2110C			
12	2121100080	Lê Thị Như	Hải	CCQ2110C	7.5	6.8	7.1
13	2121100086	Ngô Thúy	Hằng	CCQ2110C	8	7.6	7.8
14	2121100101	Phan Thị Thúy	Hằng	CCQ2110C	8	8	8.0
15	2121100120	Phan Thị Thu	Hiền	CCQ2110D	8.5	7.2	7.7
16	2121100121	Văn Thị	Hiền	CCQ2110D	7.5	8.8	8.3
17	2121100135	Văn Thị Hồng	Hiệp	CCQ2110D	7.5	7.4	7.4
18	2121100115	Đỗ Bảo	Hiếu	CCQ2110D	7.5	7.2	7.3
19	2120170186	Trần Văn	Hiếu	CCQ2017F	9	8.2	8.5
20	2121100072	Trần Thị Hồng	Hoa	CCQ2110C	8.5	7.8	8.1
21	2121100094	Lê Quốc	Huy	CCQ2110C	7.5	6.6	7.0
22	2121100090	Đoàn Thị Mỹ	Huyền	CCQ2110C	8	5.2	6.3
23	2121100091	Nguyễn Thị	Hương	CCQ2110C	7.5	9.2	8.5
24	2121100092	Mai Thị	Hường	CCQ2110C	8.5	8.6	8.6
25	2120240046	Võ Thị Kim	Lân	CCQ2024B	7.5	8	7.8
26	2119270045	Đoàn Thị Cẩm	Linh	CCQ1927B	8	9	8.6
27	2121100100	Phạm Huỳnh Trúc	Linh	CCQ2110C	8	7.8	7.9
28	2121100139	Nguyễn Khánh	Ly	CCQ2110D	7.5	7.8	7.7
29	2121100140	Hoàng Thị Cẩm	Lý	CCQ2110D	6.5	6.6	6.6
30	2121100118	Châu Thị Bích	My	CCQ2110D	6.5	5.8	6.1
31	2121100071	Nguyễn Hồ Thảo	My	CCQ2110C	8	7.2	7.5
32	2120130046	Dương Thu	Nga	CCQ2013B	8	8.4	8.2
33	2121100113	Trương Nguyễn Kim	Ngân	CCQ2110D	7.5	7.6	7.6
34	2121100087	Phan Khánh	Ngọc	CCQ2110C	7.5	7.6	7.6
35	2121100096	Trần Thị Như	Ngọc	CCQ2110C	8.5	8.4	8.4

36	2121100110	Trần Phạm Thảo	Nguyên	CCQ2110D	8	7.6	7.8
37	2121100125	Đặng Thị Thùy	Nhân	CCQ2110D	6.5	8.2	7.5
38	2121100095	Lê Thị Uyển	Nhi	CCQ2110C	7.5	7	7.2
39	2121100081	Lê Võ Khánh	Nhi	CCQ2110C			
40	2121100119	Nguyễn Thị	Nhung	CCQ2110D	8	7.6	7.8
41	2121100077	Trần Lương Nguyên	Nhung	CCQ2110C	8	7.4	7.6
42	2121100076	Huỳnh	Như	CCQ2110C	8.5	7.4	7.8
43	2121100106	Phạm Thị Thảo	Ni	CCQ2110D	8.5	8.2	8.3
44	2119270053	Hồ Văn	Phận	CCQ1927B	9.5	8.8	9.1
45	2121100133	Nguyễn Thị	Phương	CCQ2110D	8.5	7.8	8.1
46	2121100073	Vũ Thị Minh	Phương	CCQ2110C	8	7.8	7.9
47	2120170200	Nguyễn Minh	Quân	CCQ2017F	8	7.2	7.5
48	2121100132	Võ Thị Mỹ	Quý	CCQ2110D	7.5	8.4	8.0
49	2121100083	Nguyễn Thị Thanh Thúy Phương	Quỳnh	CCQ2110C			
50	2121100137	Mó	Tâm	CCQ2110D	7.5	6.8	7.1
51	2119270127	Đinh Xuân	Tân	CCQ1927D	7.5	6.4	6.8
52	2121100088	Lưu Hồ Phương	Thảo	CCQ2110C	8	6.8	7.1
53	2121100136	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	CCQ2110D	8.5	5	6.4
54	2121100085	Nguyễn Phạm Hồng	Thắm	CCQ2110C	8	6	6.8
55	2120170205	Trịnh Minh	Thắng	CCQ2017F	8	7.8	7.9
56	2121100082	Nguyễn Hồng	Thi	CCQ2110C	7.5	6.2	6.7
57	2121100114	Phạm Minh	Thi	CCQ2110D	8	8	8.0
58	2119270057	Nguyễn Văn	Thiên	CCQ1927B	8.5	8.4	8.4
59	2119110026	Nguyễn Ngọc	Thịnh	CCQ1911A	8	5.4	6.4
60	2121100111	Châu Thị Thu	Thủy	CCQ2110D	7.5	8.4	8.0
61	2121100105	Chu Thị Thanh	Thương	CCQ2110C	7.5	5.6	6.4
62	2121100103	Huỳnh Võ Hoài	Thương	CCQ2110C	7.5	7	7.2
63	2121100116	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	CCQ2110D	8	7	7.4
64	2121100126	Tăng Kiều	Tiên	CCQ2110D	8.5	6.6	7.4
65	2121100107	Lê Thị Ngọc	Trâm	CCQ2110D	7.5	8	7.8
66	2121100122	Nguyễn Thị Thu	Trâm	CCQ2110D	7.5	7.8	7.7
67	2121100128	Trương Thị Bảo	Trâm	CCQ2110D	7.5	8.8	8.3
68	2121100138	Tạ Thị Ngọc	Trân	CCQ2110D	9.5	8.2	8.7
69	2121100078	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	CCQ2110C	9.5	9.2	9.3
70	2120170689	Lê Quang	Trọng	CCQ2017F	8	6.6	7.2
71	2121100130	Lê Thị Trâm	Trúc	CCQ2110D	8	8.8	8.5
72	2120170169	Phan Hồng	Trung	CCQ2017E	8	7.8	7.9
73	2121100123	Hồ Thị Thu	Vân	CCQ2110D	7.5	5.8	6.5
74	2121100089	Võ Thị Thanh	Vân	CCQ2110C	7.5	6.6	7.0

75	2121100129	Đoàn Thị Thúy	Vy	CCQ2110D	7.5	7.8	7.7
76	2121100112	Trần Thị Kim	Vy	CCQ2110D	7.5	7	7.2
77	2121100093	Huỳnh Tân Nhật	Ý	CCQ2110C	8	7.6	7.8